|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số:.../TTr-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định phân định thẩm quyền tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính đất đai**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để triển khai thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, các Kết luận của Bộ Chính trị về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban Chỉ đạo Sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc phân công các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định phân định thẩm quyền tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính đất đai như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

## 1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII như sau: *“Về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp: (1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.”*

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu các nhiệm vụ và giải pháp như sau: “*tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả…”.*

- Tại gạch đầu dòng (-) thứ ba điểm 6 Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có chỉ đạo liên quan đến việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước như sau: *“Giao Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội (theo phạm vi, lĩnh vực) chủ trì, chỉ đạo Đảng ủy Bộ Tư pháp, Đảng ủy Ủy ban Pháp luật và Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung … các luật liên quan, các văn bản, nghị định về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp đơn vị hành chính ở địa phương và xử lý tài sản nhà nước sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất ngày 30/6/2025”.*

- Tại Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội đã quyết quy định: *Chính phủ (1) xem xét, ban hành văn bản giải quyết hoặc ủy quyền ban hành văn bản giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Quốc hội khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; (2) xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình; (3) có thể ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn giải quyết các vấn đề phát sinh, đồng thời tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hành.*

- Tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Chính phủ đã yêu cầu: *(1) Các bộ, ngành, địa phương căn cứ Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; (2) Các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để có hiệu lực ngay, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (dự kiến ngày 01 tháng 7 năm 2025).*

Ngày 19/4/2025, Ban Chỉ đạo Sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-BCĐ của Ban về việc phân công các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý ngành, lĩnh vực được phân công được áp dụng thủ tục rút gọn.

- Tại khoản 1 Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: *“Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, để kịp thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương trong một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phân định lại nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và điều chỉnh các quy định khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương để thống nhất áp dụng trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.”*

## 2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu, rà soát toàn bộ quy định pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công để đề xuất các chính sách đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước; đồng thời, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công. Bên cạnh đó, trong quá trình thực thi các Nghị định thuộc lĩnh vực về quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ Tài chính đã nhận được các ý kiến, đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức kiến nghị các nội dung vướng mắc, chồng chéo giữa các Nghị định và trong từng Nghị định cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Đề hoàn thiện thể chế nhằm tạo điều kiện để triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải quyết một số vướng mắc thực tế trong quá trình thực thi và quản lý, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định phân định thẩm quyền tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính đất đai, theo đó: (i) Phân định thẩm quyền tại Luật trưng mua, trưng dụng năm 2008; (ii) Sửa đổi, bổ sung một số điều tại 23 Nghị định của Chính phủ.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

 - Kịp thời ban hành các nội dung luật sửa đổi, bổ sung tại văn bản quy phạm pháp luật để có hiệu lực ngay, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

a) Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

b) Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để chuẩn bị sẵn sàng khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

c) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

d) Sửa đổi, bổ sung một số quy định còn mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định này quy định việc phân cấp thẩm quyền tại Luật trưng mua, trưng dụng năm 2008 và sửa đổi, bổ sung 23 Nghị định, gồm: (1) Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (2) Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (3) Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (4) Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; (5) Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; (6) Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; (7) Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHT giao thông đường bộ; (8) Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; (9) Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; (10) Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; (11) Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam; (12) Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; (13) Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; (14) Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập; (15) Nghị định số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; (16) Nghị định số 104/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về quỹ phát triển đất; (17) Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất; (18) Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải; (19) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 cua Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; (20) Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không; (21) Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; (22) Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; (23) Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã chủ động xây dựng Nghị định phân định thẩm quyền tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính đất đai; có Công văn số /BTC-QLCS ngày /5/2025 gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Ngày /5/2025, Bộ Tài chính đã có Công văn số /BTC-QLCS gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định

Ngày /5/2025, dự thảo Nghị định đã được Hội đồng tư vấn thẩm định do Bộ Tư pháp chủ trì họp thẩm định, cho ý kiến và Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Nghị định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục của dự thảo văn bản:** Dự thảo Nghị định có 18 Điều gồm:

a) Điều 1: Phân định thẩm quyền trong Luật trưng mua, trưng dụng năm 2008.

b) Điều 2 đến Điều 16: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại 17 Nghị định gồm Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP), Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Nghị định số 85/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP, Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, Nghị định 44/2024/NĐ-CP, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, Nghị định 12/2025/NĐ-CP, Nghị định số 02/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP), Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

c) Điều 17: Về việc bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 03/2025/NĐ-CP, Nghị định 84/2025/NĐ-CP, Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2018/NĐ-CP, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

d) Điều 18: Hiệu lực thi hành: Hiệu lực thi hành: Căn cứ điểm 4 mục III Kế hoạch số 40/KH-BCĐ, thì *cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Kế họach.* Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 thì cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy.

**2. Nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định:**

**2.1. Đối với các nội dung phân định thẩm quyền tại Luật trưng mua, trưng dụng ngày 03 tháng 6 năm 2008 theo tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**:

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ trong việc cưỡng chế thi hành quyết định trưng mua tài sản và quyết định sử dụng đất có thời hạn trong trường hợp khẩn cấp từ cấp huyện sang cấp xã tại: Điều 17, Điều 31, khoản 4 Điều 41

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

**3.2. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP)**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ trong việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo hướng từ cấp huyện sang cấp xã tại: điểm c khoản 1 Điều 18; điểm c khoản 3 Điều 19; điểm b, điểm c khoản 3 Điều 23; điểm c khoản 1 Điều 36; điểm b khoản 2 Điều 92; Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 29, Điều 127, khoản 2 Điều 131; Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện,” tại điểm c khoản 2 Điều 35a; Bổ sung khoản 3 Điều 137a theo hướng trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các phòng chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Điều chỉnh các nội dung về phân cấp thẩm quyền để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 theo hướng chuyển từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thành Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Theo đó thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Nghị định để đáp ứng nguyên tắc này (khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 3a, khoản 2 Điều 4, khoản 4 Điều 10b, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 22, khoản 2, khoản 3 Điều 28, khoản 2, khoản 3 Điều 32, khoản 2, khoản 3 Điều 34, khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 37a, khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 40, khoản 1 Điều 41, khoản 4 Điều 41c, khoản 2 Điều 51).

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã điều chỉnh quy định về việc phân định thẩm quyền giữa chính quyền địa phương các cấp; theo đó chỉ còn quy định về việc phân cấp của Uỷ ban nhân dân (không còn quy định về phân cấp của Hội đồng nhân dân như quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015), đồng thời quy định *“các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc quy định tại các**điều 11, 12,**13, 14 và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này”.* Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nguyên tắc phân cấp thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 là cần thiết.

**3.3. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Nghị định số 85/2018/NĐ-CP)**

Sửa đổi, bổ sung các nội dung Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, Nghị định số 85/2018/NĐ-CP để phù hợp với sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

*a) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2017/NĐ-CP*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Chuyển các quy định về thẩm quyền quyền định trong quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng ở cấp huyện (Văn phòng huyện uỷ) thành thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan của Đảng ở cấp xã; bãi bỏ một số nội dung quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan Đảng ở cấp huyện. Theo đó sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 5 Điều 13, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 24, b khoản 2 Điều 25, điểm d khoản 2 Điều 26, điểm c khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 2 Điều 28, điểmc khoản 2 Điều 29, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 32.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 2/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nội dung về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương: Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Kết thúc hoạt động của đảng bộ cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố, quận trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Lập tổ chức đảng tương ứng với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo đúng Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh các quy định tương ứng về quản lý tài sản tại cơ quan Đảng ở cấp huyện, cấp xã để phù hợp với mô hình tổ chức mới.

*b) Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 85/2018/NĐ-CP:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Bãi bỏ các nội dung về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô cấp xã tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân tại STT 5 Phụ lục I và Mục III Phụ lục II; Bổ sung cụm từ “Cơ quan Ban chỉ huy Quân sự các xã, phường, đặc khu” vào trước cụm từ “và trường hợp đặc thù khác” tại STT 17 Phụ lục I; Bổ sung cụm từ “Công an các xã, phường, đặc khu” vào trước cụm từ “và các đơn vị đặc thù khác” tại STT 13 Mục IV Phụ lục II.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

**3.4. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ trong việc giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác, thẩm định kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất, có ý kiến đối với đơn giá cho thuê nhà, tổ chức cưỡng chế thu hồi nhà, phối hợp rà soát quỹ nhà, đất là tài sản công theo hướng từ chuyển từ cấp huyện sang cấp xã tại khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 9, khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 31, Mẫu số 02.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về sắp xếp bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường”, cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực” tại điểm a khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 9, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 31, Mẫu số 02.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với Luật tổ chức Chính phủ năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

*c) Những nội dung sửa đổi, bổ sung do phát sinh vướng mắc trong thực tiễn:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Bổ sung khoản 5 Điều 21 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP:

*“5. Việc lập dự toán cải tạo, sửa chữa nhà, công trình gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập”.*

(2) Sửa đổi khoản 8 Điều 22 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP:

*“8. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”*

(3) Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP:

*“2. Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền thu được từ khai thác nhà, đất (tiền thuê nhà, tiền chậm nộp, chi phí sử dụng nhà, đất tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này), số tiền thu được do lắp đặt công trình viễn thông trên nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo quy định của pháp luật về viễn thông phát sinh trong tháng vào ngân sách nhà nước trước ngày 30 của tháng đó. Đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”*

(4) Bổ sung khoản 3 Điều 27 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP:

*“3. Việc lập dự toán, quyết toán thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà, việc thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan; trường hợp số tiền thu được từ hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất không đủ chi trả các chi phí có liên quan thì được bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước để chi trả phần còn thiếu; Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan đến việc dự toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với khoản ngân sách nhà nước chi trả phần còn thiếu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà.”*

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Trên cơ sở rà soát các chính sách có liên quan và phản ánh của một số địa phương, đơn vị, cụ thể:

(1) Tại khoản 10 Điều 4 Luật NSNN năm 2015 quy định: *“10. Đơn vị dự toán ngân sách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.”*

(2) Tại khoản 1 Điều 7 Luật NSNN năm 2015 quy định: *“Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước, theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện...”*

(3) Tại điểm đ khoản 4 Điều 10b, điểm đ khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151 (được bổ sung tại khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) quy định:

- Đối với cơ quan nhà nước:*“đ) Số tiền thu được từ khai thác tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác tài sản công (chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có), cơ quan nhà nước được giữ lại 50% để bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và các hoạt động khác được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là khoản thu hợp pháp khác của cơ quan; 50% nộp ngân sách nhà nước trung ương (đối với cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý), nộp ngân sách địa phương (đối với cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý). Người đứng đầu cơ quan có tài sản khai thác chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác và xác định số tiền nộp ngân sách nhà nước.”*

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: *“đ) Số tiền thu được từ khai thác tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, phần còn lại là nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập được quản lý, sử dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”*

(4) Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP thì tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương có thể là (i) đơn vị SNCL hoặc (ii) doanh nghiệp do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ (Công ty quản lý, kinh doanh nhà). Do đó, với quy định tại Điều 27 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP thì các tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương hoạt động với mô hình doanh nghiệp (tức là các Công ty quản lý, kinh doanh nhà) sẽ gặp vướng mắc; bởi vì theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 thì “đơn vị dự toán ngân sách” là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách.

(5) Tại khoản 7 Điều 4[[1]](#footnote-1) Luật số 56/2024/QH15 đối với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước đã quy định (mở) hơn so với Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; theo đó giao dự toán ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp quản lý vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (đường sắt quốc gia, đường thuỷ nội địa, thuỷ lợi, hàng không, hàng hải). Tuy nhiên, theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm Nghị định số 108/2024/NĐ-CP) thì còn có các quy định giao tài sản công khác ngoài tài sản kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp quản lý, khai thác. Vì vậy, việc quy định chỉ cho đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng như hiện nay là chưa đầy đủ về đối tượng, phạm vi.

**3.5. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung nhóm Nghị định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng (Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, Nghị định số 60/2024/NĐ-CP, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP, Nghị định số 12/2025/NĐ-CP, Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2018/NĐ-CP, Nghị định 84/2025/NĐ-CP).**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 43/2022/NĐ-CP: Bỏ nội dung liên quan đến trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện các biện pháp phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 28.

(2) Nghị định số 44/2024/NĐ-CP: (i) Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao quản lý đường bộ cấp huyện, cấp xã theo hướng giao lại cho cấp xã tại khoản 2, khoản 3 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 4, điểm c khoản 2, điểm a, điểm d khoản 4 Điều 23, điểm a khoản 3 Điều 28; (ii) Chuyển nội quy định thẩm quyền lập, phê duyệt đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo huớng quy định Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền phê duyệt đề án, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh sẽ xây dựng đề án, hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản tại điểm b khoản 4 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 21; (iii) Chuyển đơn vị làm chủ tài khoản tạm giữ từ Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan cấp tỉnh quản lý và Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện, xã theo hướng giao cho cơ quan được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan được Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27,

(3) Nghị định số 60/2024/NĐ-CP: (i) Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao, quản lý, xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện, cấp xã theo hướng giao lại cho cấp xã và sửa đổi trình tự thủ tục (nếu có) tại khoản 15 Điều 3, điểm a, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 24, khoản 4 Điều 28, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 29, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 30, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 31; (ii) Bổ sung cụm từ “, cơ quan cấp xã” sau cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm c khoản 3 Điều 15, khoản 6 Điều 20, khoản 1 Điều 24; Bổ sung cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan cấp xã” vào sau cụm từ “đơn vị sự nghiệp công lập” tại khoản 1 Điều 25; (iii) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính – Kế hoạch” bằng cụm từ “Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản” tại điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 33; (iv) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại tên và điểm c khoản 2 Điều 15, Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 4 Điều 25, điểm b khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 33.

(4) Nghị định số 08/2025/NĐ-CP: (i) Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan chuyên môn về thuỷ lợi, cơ quan được giao, quản lý, xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ thuỷ lợi cấp huyện, cấp xã theo hướng giao lại cho cấp xã tại khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 6, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 9; (ii) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 4 theo hướng trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các phòng chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã; (iii) Bổ sung điểm d vào sau điểm e khoản 1 theo hướng cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ (sau đây gọi là cơ quan cấp xã); (iv) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm d khoản 3 Điều 6, tên và khoản 1, khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 6 Điều 16, điểm a khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 6 Điều 18, điểm a khoản 4 Điều 19, điểm a khoản 6 Điều 21, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22, điểm b khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 23, điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04B, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04C; (v) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” bằng cụm từ “cơ quan tài chính cấp xã” tại điểm a khoản 6 Điều 18; (vi) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” bằng cụm từ “Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ” tại điểm a khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 25; (vii) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, tên và khoản 2, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 11, khoản 1, khoản 4 Điều 13, điểm a khoản 2, tên và khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 22, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 26, khoản 2, khoản 4 Điều 27, điểm a, điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04A, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04B, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04C.

(5) Nghị định số 12/2025/NĐ-CP: (i) Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan quản lý đường thuỷ nội địa, cơ quan được giao, quản lý, xử lý, khai thác tài sản kết cấu hạ đường thủy nội địa cấp huyện, cấp xã theo hướng giao lại cho cấp xã và sửa đổi các trình tự, thủ tục liên quan (nếu có) tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 2, điểm b khoản 1 Điều 5, điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 13, điểm c khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 20, điểm a và điểm d khoản 4 Điều 21, điểm a khoản 4 Điều 22, điểm a khoản 3 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 25; (ii) Thay đổi thành phần hội đồng xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo hướng quy định Sở Tài chính, Phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện thành đại diện cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định làm chủ tài khoản tạm giữ tại điểm a khoản 5 Điều 16.

(6) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP: Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm d khoản 4 Điều 24, điểm c khoản 4 Điều 40.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về sắp xếp bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 43/2022/NĐ-CP: Sửa đổi tên từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại các điểm khoản sau: Các khoản 1, 2, 4 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 1, khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 3 Điều10, khoản 2, khoản 4 Điều 11, khoản 2, khoản 4 Điều 12, khoản 2, khoản 5 Điều 13, khoản 2, khoản 5 Điều 19, khoản 2, 3, 5 Điều 20, khoản 2, khoản 4 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 1, khoản 3 Điều 23, khoản 3, khoản 6 Điều 24, khoản 2, khoản 3 Điều 25, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 khoản 2 Điều 27, các Phụ lục kèm Nghị định: Các Mẫu số: 2, 3, 4, 5, 6 và 7; từ tên “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan thuế theo thẩm quyền” tại khoản 8 Điều 12; khoản 8 Điều 13; Bỏ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng tại nội dung về cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

(2) Nghị định số 44/2024/NĐ-CP: Sửa đổi tên từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại các điểm khoản sau: điểm a khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2, khoản 8 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 1 Điểu 27; sửa đổi tên “Cục thuế” thành “Cơ quan Thuế” có thẩm quyền tại điểm b khoản 4 Điều 32.

(3) Nghị định số 08/2025/NĐ-CP: Sửa đổi tên từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 3.

(4) Nghị định số 12/2025/NĐ-CP: Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại các điểm khoản sau: Khoản 2 Điều 2; Khoản 3 Điều 4; Khoản 2 Điều 5; Điểm b khoản 5 Điều 5; Khoản 6 Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 7; Khoản 2 Điều 7; Điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10; Điểm a khoản 2 Điều 11; Điểm b và điểm đ khoản 3 Điều 13; Điểm a khoản 5 Điều 14; Khoản 6 Điều 14; Điểm a khoản 5 Điều 15; Khoản 7 Điều 16; Điểm a khoản 2 Điều 17; Điểm a khoản 2 Điều 19; Điểm b khoản 2 Điều 20; Điểm b khoản 3 Điều 20; Điểm a khoản 3 Điều 21; Điểm a khoản 2 Điều 22; Điểm a, c, d khoản 7 Điều 22; Điểm a khoản 2 Điều 23; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm b khoản 2 Điều 25; Điểm b khoản 3 Điều 25; Điểm a, b khoản 6 Điều 26; Khoản 3 Điều 27; Khoản 1 Điều 28; Điểm c khoản 2 Điều 28; Khoản 4 Điều 28; Khoản 1 Điều 29, Phụ lục kèm Nghị định: Mẫu số 1B; Mẫu số 2A; Mẫu số 2B; Mẫu số 2C.

(5) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP: (i) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại các điểm khoản sau: Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2; Khoản 3 Điều 4; Điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5; Khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6; Khoản 2, điểm c khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7; Điểm a khoản 3 Điều 13; Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 16; Khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 17; Khoản 3 Điều 18; Điểm a, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 19; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 20; Khoản 2, điểm a, điểm b, điểm d khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22; Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 23; Khoản 2, điểm a, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 24; Khoản 2, điểm a, điểm c, điểm d khoản 7 Điều 25; Khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 27; Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 28; Điểm a, điểm b khoản 6 Điều 45; Khoản 3 Điều 46; Điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1, điểm c, điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 47; Khoản 1 Điều 48; tại các Phụ lục kèm Nghị định: Mẫu số 1B; Mẫu số 2A; Mẫu số 2B; Mẫu số 2C; (ii)

(6) Nghị định số 44/2018/NĐ-CP: (i) Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 1, 2, 4 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 1, khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 3 Điều10, khoản 2, khoản 4 Điều 11, khoản 2, khoản 4 Điều 12, khoản 2, khoản 5 Điều 13, khoản 2, khoản 5 Điều 19, khoản 2, 3, 5 Điều 20, khoản 2, khoản 4 Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 1, khoản 3 Điều 23, khoản 3, khoản 6 Điều 24, khoản 2, khoản 3 Điều 25, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 khoản 2 Điều 27, Mẫu số 2, 3, 4, 5, 6 và 7 tại Phụ lục; (ii) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan thuế theo thẩm quyền” tại khoản 8 Điều 12, khoản 8 Điều 13.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*c) Những nội dung về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 12/2025/NĐ-CP: (i) Sửa đổi thẩm quyền quyết định giá quy ước của tài sản kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa từ Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sang cơ quan, người có thẩm quyền tại điểm d khoản 3 Điều 9; (ii) Điều chỉnh các nội dung về phân cấp thẩm quyền để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo hướng chuyển từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thành Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp tại điểm b khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 5 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 23; Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại các điểm khoản sau: Khoản 2 Điều 2; Khoản 3 Điều 4; Khoản 2 Điều 5; Điểm b khoản 5 Điều 5; Khoản 6 Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 7; Khoản 2 Điều 7; Điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10; Điểm a khoản 2 Điều 11; Điểm b và điểm đ khoản 3 Điều 13; Điểm a khoản 5 Điều 14; Khoản 6 Điều 14; Điểm a khoản 5 Điều 15; Khoản 7 Điều 16; Điểm a khoản 2 Điều 17; Điểm a khoản 2 Điều 19; Điểm b khoản 2 Điều 20; Điểm b khoản 3 Điều 20; Điểm a khoản 3 Điều 21; Điểm a khoản 2 Điều 22; Điểm a, c, d khoản 7 Điều 22; Điểm a khoản 2 Điều 23; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm b khoản 2 Điều 25; Điểm b khoản 3 Điều 25; Điểm a, b khoản 6 Điều 26; Khoản 3 Điều 27; Khoản 1 Điều 28; Điểm c khoản 2 Điều 28; Khoản 4 Điều 28; Khoản 1 Điều 29, các Phụ lục kèm Nghị định: Mẫu số 1B; Mẫu số 2A; Mẫu số 2B; Mẫu số 2C.

(2) Nghị định số 84/2025/NĐ-CP: Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm c khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 5 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 23.

(3) Nghị định số 15/2025/NĐ-CP: Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 42.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*d) Những nội dung phát sinh trong thực tiễn*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Nghị định số 60/2024/NĐ-CP: Quy định về việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hướng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan tại điểm c khoản 2 Điều 28.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP *“Trước khi quyết định thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh… thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan này.”* là thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, ngày 29/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; theo đó Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024. Tại điểm a khoản 1 Điều 251 Luật Đất đai năm 2024 đã bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, cần phải sửa đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất áp dụng pháp luật.

**3.6. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với công trình điện và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam của cấp huyện thành cấp xã theo hướng: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với công trình điện trên địa bàn một xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi quản lý của mình; (2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ hai xã, phường, đặc khu trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 106 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP).

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về sắp xếp bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Thay thế cụm từ “Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 4 Điều 19.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã giải thể theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/3/2025 của Chính phủ.

**3.7. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:**

*Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Bổ sung khoản 11 vào sau khoản 10 Điều 4 theo hướng trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các phòng chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã;

(2) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 5;

(3) Chuyển nội dung quy định liên quan đến cơ quan chủ trì quản lý vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án không phải là cơ quan thi hành án cấp tỉnh hoặc cấp quân khu chuyển giao từ cơ quan thuộc cấp huyện sang cơ quan tài chính cấp xã tại khoản 2 Điều 5;

(4) Chuyển nội dung liên quan đến các Phòng Tài chính – Kế hoạch, tư pháp cấp huyện thành đại diện của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) tại điểm b khoản 4 Điều 14;

(5) Chuyển nội dung liên quan đến Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện trong việc làm chủ tài khoản thành Cơ quan được Uỷ ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ tại điểm c khoản 1 Điều 101;

(6) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 5;

(7) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ (nếu có) (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức cấp xã) là đơn vị chủ trì quản lý trong các trường hợp còn lại” tại khoản 2 Điều 5;

(8) Thay điểm b khoản 3 Điều 9 thành điểm c khoản 3 Điều 9 và sửa như sau: “b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.”;

(9) Bãi bỏ cụm từ “điểm b” tại khổ đầu tiên trước khoản 1 Điều 11;

(10) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm a khoản 4 Điều 11;

(11) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 1 Điều 68.

(12) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” thành cụm từ “cơ quan tài chính cấp xã” tại khoản 4 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 19, tên và điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 1, khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 28, khoản 2 Điều 30, tên và điểm a khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3 Điều 72, điểm b khoản 1 Điều 84, điểm c khoản 1 Điều 101, ghi chú (10) Mẫu số 01-QĐXL, ghi chú (12) Mẫu số 02-QĐXL&PA, ghi chú (11) Mẫu số 03-QĐPA.

(13) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 19, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3, khoản 4 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 84.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

**3.8. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung nhóm Nghị định xử phạt vi phạm hành chính:**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 63/2019/NĐ-CP: Chuyển quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tục Uỷ ban nhân dân cấp huyện tại khoản 1 Điều 29 theo hướng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về sắp xếp bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 63/2019/NĐ-CP: (i) Bỏ cụm từ “người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ” tại khoản 1 Điều 30; (ii) Bỏ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30.

(2) Nghị định số 102/2021/NĐ-CP: (i) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP tại khoản 4 Điều 4; (ii) Bãi bỏ cụm từ “điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 30” tại khoản 4 Điều 4 cho phù hợp với Nghị định số 63/2019/NĐ-CP.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để phù hợp với Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi), Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Thanh tra Chính phủ, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

**3.9. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung nhóm Nghị định về tài chính đất đai (Nghị định số 69/2019/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP)**

*a) Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung tại** Nghị định số 103/2024/NĐ-CP:

(1) Chuyển thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện trong việc xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai, xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 107 Luật Đất đai, trình tự tính, thu, nộp tiền sử dụng đất theo hướng giao cho Uỷ ban nhân dân cấp xã tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 16, tiết b3 điểm b, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 21;

(2) Bãi bỏ từ huyện và bổ sung quy định về Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể tại khoản 8 Điều 17;

(3) Chuyển nội dung “các xã biên giới, hải đảo hoặc huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã” thành “địa bàn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai” tại khoản 2, khoản 3 Điều 19;

(4) Chuyển nội dung về danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất từ địa bàn cấp huyện có địa giới hành chính cụ thể thành “Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể” tại khoản 13 Điều 38;

(5) Bổ sung Bổ sung khoản 17 Điều 38 theo hướng Trường hợp diện tích đất được Nhà nước cho thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này nằm trên phạm vi nhiều địa bàn có địa giới hành chính cụ thể khác khau thì việc ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất được xác định theo diện tích tương ứng ở từng địa bàn có địa giới hành chính cụ thể;

(6) Chuyển nội dung “địa bàn cấp huyện” tại các điểm về miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản tại khoản 4 Điều 39 theo hướng bỏ cụm từ “cấp huyện” và bỏ nội dung “Trường hợp Khu kinh tế nằm trên phạm vi nhiều huyện thì việc ưu đãi miễn tiền thuê đất được xác định theo diện tích tương ứng ở từng huyện”;

(7) Chuyển quy định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện thành Uỷ ban nhân dân cấp xã tại khoản 5 Điều 44;

(8) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Mẫu số 01a/TB-TSDĐ, Mẫu số 01b/TB-TSDĐ, Mẫu số 01a/TB-TMĐN, Mẫu số 01b/TB-TMĐN;

(9) Bãi bỏ nội dung “2.3 Quận/huyện:…” tại điểm 2.3 Mẫu số 01a/TB-TSDĐ, điểm 2.3 Mẫu số 01b/TB-TSDĐ, điểm 2.3 Mẫu số 01a/TB-TMĐN, điểm 2.3 Mẫu số 01b/TB-TMĐN.

(10) Bỏ cụm từ “thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” tại Mẫu số 03/LCHS.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

*b) Những nội dung về sắp xếp bộ máy nhà nước theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:**

(1) Nghị định số 103/2024/NĐ-CP: (i) Chuyển Thẩm quyền tính và quyết định số tiền sử dụng đất được giảm, ban hành quyết định giảm tiền thuê đất từ “Cục trưởng Cục thuế” thành “Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực”, “Chi cục trưởng Chi cục thuế, Chi cục thuế khu vực” thành “Đội trưởng Đội Thuế” tại khoản 8 Điều 19, khoản 2 Điều 41; (ii) Chuyển quy định về Cơ quan xác định đơn giá thuê đất từ “Cục Thuế” thành “Chi cục Thuế”, “Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực” thành Đội Thuế tại khoản 1 Điều 29; (iii) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực”; cụm từ “Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Đội Thuế” tại Mẫu số 03/LCHS.

(2) Nghị định số 104/2024/NĐ-CP: (i) Thay thế cụm từ “các Sở: Tài chính, Kế hoạch Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính”, cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường” tại điểm c khoản 1 Điều 9; (ii) Thay cụm từ “Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh” thành “*Kho bạc Nhà nước tại địa phương”* tại khoản 3 Điều 13.

(3) Nghị định số 69/2019/NĐ-CP: Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 6.

(4) Nghị định số 59/2014/NĐ-CP: (i) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính”, cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường”, cụm từ “Cục Thuế” thành cụm từ “Chi cục Thuế khu vực” tại khoản 4 Điều 1; (ii) Bãi bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại khoản 4 Điều 1.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:**

*c) Những nội dung về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Lý do sửa đổi, bổ sung: Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*d) Những nội dung phát sinh trong thực tiễn tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP:*

**(1) Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Sửa đổi, bổ sung vào cuối khoản 3 Điều 12 nội dung: *“không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác.”.*

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP chưa rõ có hay không phải chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác; do đó cách tổ chức thực hiện tại các địa phương có thể không thống nhất; do đó đề rõ trong tổ chức thực hiện và thống nhất, dự thảo quy định “*không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác”.*

(2) **Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Bổ sung nội dung *Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ* tại khổ cuối khoản 3 Điều 13.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Việc quy định trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn. Lý do: Để các Quỹ có thêm nguồn thu đảm bảo hoạt động của Quỹ, phù hợp với nguyên tắc “Quỹ phát triển đất có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn” quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; đồng thời để có sự thống nhất trong cách quản lý về nguồn tiền có nguồn gốc như nhau (Vốn điều lệ của Quỹ” và “Ngân quỹ Nhà nước” đều có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; theo Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05/4/20216 của Chính phủ quy định chế độ quản lý Ngân quỹ Nhà nước, vốn nhàn rỗi của Ngân quỹ Nhà nước được gửi có kỳ hạn).

(3) **Nội dung sửa đổi, bổ sung:** Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:*“1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Căn cứ tình tình thực tế tại địa phương, trường hợp quy định mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ thấp hơn mức quy định tại khoản này (bao gồm cả trường hợp mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng không) thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.*

*Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của dự án, nhiệm vụ, tính trên tổng số tiền ứng vốn và được cố định trong cả quá trình ứng vốn.”.*

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Theo phản ánh của một số địa phương (như Quỹ Đầu tư phát triển Hà Nội, Quỹ Phát triển TPHCM) thì tùy vào thực tế từng địa phương, vẫn nên có quy định mức chi phí quản lý vốn ứng có thể thấp hơn mức tối đa quy định tại Nghị định (như ứng vốn để thực hiện bồi thường, GPMB), đồng thời phù hợp với nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển đất *“không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn”*. Do đó, để bao quát hết các trường hợp, dự thảo Nghị định hoàn thiện theo hướng nêu trên (bao gồm cả trường hợp mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ thấp hơn mức quy định hoặc bằng không).

**(4)** Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 21 theo hướng quy định các khoản chi của Quỹ trong trường hợp ủy thác gồm: (i) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ; (ii) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ; (iii) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. Trong đó nội dung chi (ii) dự kiến tối đa 20%, nội dung chi (iii) dự kiến tối đa 15%; theo đó nếu không khống chế nội dung chi (i) thì về cơ bản sẽ không phát sinh chênh lệch thu - chi, thậm chí có thể vượt thu; theo đó, dự thảo quy định chi phí ủy thác quản lý Quỹ không quá 50% khoản thu của Quỹ để đảm bảo nguyên tắc hoạt động của Quỹ là bảo toàn và phát triển vốn.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP thì chi phí ủy thác quản lý Quỹ là toàn bộ các khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 21; theo đó, trong không phát sinh chênh lệch thu-chi từ Quỹ trong trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác.

(5) Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào sau khoản 2 Điều 25 về điều khoản chuyển tiếp đối với các Quỹ đã thành lập, đang hoạt động có nguồn vốn hiện có của Quỹ đến thời điểm ngày 01/8/2024 được tính vào mức vốn điều lệ ban đầu của Quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định; đồng thời quy định việc xử lý chênh lệch thừa thiếu giữa nguồn vốn hiện có và mức vốn điều lệ ban đầu của Quỹ (chênh lệch giữa *mức vốn điều lệ ban đầu do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định* - *vốn hiện có tại thời điểm ngày 01/8/2024*).

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để bảo quát các trường hợp phát sinh trong thực tế, tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Kể từ ngày 01/8/2024 (ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

3.9. Đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất

 *Những nội dung về sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp:*

**- Nội dung sửa đổi, bổ sung:** (1) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 3 Điều 4; (2) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại khoản 1 Điều 7; (3) Thay thế cụm từ “quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” tại khoản 4 Điều 4; (4) Bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 2 Điều 13.

**- Lý do sửa đổi, bổ sung:** Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó bỏ cấp huyện và chuyển phần lớn nhiệm vụ của cấp huyện cho cấp xã thực hiện.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH**

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định phân định thẩm quyền tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính đất đai, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: - Dự thảo Tờ trình Chính phủ; Dự thảo Nghị định, Bảng nội dung sửa đổi, bổ sung).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để b/c);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để thẩm định);- Lưu: VT, PC (.....b). | **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Văn Thắng** |

1. *“Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước*

*…7. Sửa đổi, bổ sung**khoản 1 Điều 49**như sau:*

*“1. Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại**Điều 50 của Luật này.”.* [↑](#footnote-ref-1)